

Bản án số: 70/2022/DS - PT

Ngày: 30 - 11 - 2022

“V/v tranh chấp về thừa kế tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Bá Lưu

Các Thẩm phán: Ông Dương Việt Hải, ông Nguyễn Thái Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kiều Oanh - Cán bộ TAND tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình: Ông Nguyễn Anh Đức – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 36/2022/TLPT- TC ngày 22 tháng 6 năm 2022, về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do bản án Dân sự sơ thẩm số 04/2022/TCDS-ST ngày 12/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1941/2022/QĐ-PT ngày 22/8/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích T, sinh năm: 1972

Địa chỉ: Thôn Quảng H, xã Lê H, huyện Tuyên H, Quảng Bình. Có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Hoàng Khắc Chinh – Trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Chí T1, sinh năm: 1967

Địa chỉ: Thôn Quảng H, xã Lê H, huyện Tuyên H, Quảng Bình. Có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Chí T2, sinh năm: 1955

Địa chỉ: Thôn Quảng H, xã Lê H, huyện Tuyên H, Quảng Bình. Vắng mặt.

- Ông Nguyễn Chí T3, sinh năm: 1964

Địa chỉ: Thôn Quảng H, xã Lê H, huyện Tuyên H, Quảng Bình. Vắng mặt.

- Ông Nguyễn Chí T4, sinh năm: 1972

Địa chỉ: Thôn Quảng H, xã Lê H, huyện Tuyên H, Quảng Bình. Có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Chí T4: Ông Hoàng Khắc Chinh - Trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị Minh T5, sinh năm: 1957

Địa chỉ: Tổ 4, ấp Sóc T6 A, xã Tân L, huyện Hớn Q, Bình Phước. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10/9/2021, bản tự khai ngày 30/12/2021, biên bản hòa giải ngày 30/12/2021 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích T người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T là ông Hoàng Khắc Chinh trình bày:

Bố bà là ông Nguyễn Trọng B, sinh năm: 1926 chung sống với mẹ bà là bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1927 từ năm 1952 và có với nhau 06 người con chung: ông Nguyễn Chí T2, sinh năm: 1955; bà Nguyễn Thị Minh T5, sinh năm: 1957; ông Nguyễn Chí T3, sinh năm: 1964; ông Nguyễn Chí T1, sinh năm: 1967; ông Nguyễn Chí T4, sinh năm 1972 và bà. Bố mẹ bà không có con riêng hoặc con nuôi nào khác. Trong thời kỳ hôn nhân, bố mẹ đã tạo lập quyền sử dụng đất ở, đất trồng cây lâu năm là tài sản chung của vợ chồng. Cụ thể là thửa đất số 216, tờ bản đồ số 9, diện tích 1572m²; địa chỉ tại thôn Quảng H, xã Lê H, huyện Tuyên H, tỉnh Quảng Bình; tại Quyết định số 573/QĐ-UB ngày 25/12/2000. Đến năm 2008 được cấp đổi thành thửa đất số 216, tờ bản đồ số 9; diện tích 1.572m²; trong đó đất ở nông thôn 400m², đất trồng cây lâu năm 1.172m². Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bố bà là ông Nguyễn Trọng B. Bố bà chết vào ngày 25/7/2010; mẹ bà chết vào tháng 4 năm 2000. Trước lúc chết, bố mẹ bà không để lại di chúc. Khi mẹ bà chết vào năm 2000 đến nay thì ông Nguyễn Chí T1 ở với bố và em trai Nguyễn Chí T4 ở trong nhà, sau đó ông T1 bán nhà cũ và xây nhà mới ở đến nay. Ngoài ra trên đất không có tài sản nào khác. Khi bà từ miền nam trở về, bà đã gặp ông T1 đề nghị ông T1 tách cho bà một phần đất để bà và em trai Nguyễn Chí T4 được sử

dụng nhưng ông T1 không đồng ý. Bà đã yêu cầu UBND xã Lê H hòa giải nhưng không thành. Nay bà yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản thừa kế trên để bà được hưởng phần thừa kế của mình.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 30/12/2021 và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Chí T1 trình bày: Ông nhất trí với trình bày của nguyên đơn về việc bố mẹ của ông là ông Nguyễn Trọng B, bà Nguyễn Thị N chung sống với nhau và có 06 người con chung gồm ông và 05 anh, chị em: Nguyễn Chí T2, bà Nguyễn Thị Minh T5, ông Nguyễn Chí T3, bà Nguyễn Thị Bích T; ông Nguyễn Chí T4. Bố mẹ ông không có con riêng hoặc con nuôi nào khác. Bố mẹ của bố mẹ ông cũng đã chết từ lâu, ông không nhớ rõ thời gian. Trong thời kỳ hôn nhân, bố mẹ ông có tài sản chung là thửa đất số 216, tờ bản đồ số 9, diện tích 1572m²; địa chỉ tại thôn Quảng H, xã Lê H, huyện Tuyên H, tỉnh Quảng Bình; tại Quyết định số 573/QĐ-UB ngày 25/12/2000. Đến năm 2008 được cấp đổi thành thửa đất số 216, tờ bản đồ số 9; diện tích 1.572m²; trong đó đất ở nông thôn 400m², đất trồng cây lâu năm 1.172m². Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bố ông là ông Nguyễn Trọng B. Bố ông chết vào ngày 25/7/2010; mẹ ông chết vào tháng 4 năm 2000. Trước lúc chết, bố mẹ ông không để lại di chúc. Khi mẹ ông chết từ năm 2000 đến nay, anh em trong gia đình đã bàn bạc giao cho vợ chồng ông quản lý, sử dụng ngôi nhà để nuôi bố và em trai Nguyễn Chí T4 bị tàn tật và sau này vợ chồng ông thờ cúng ông bà. Sau đó ông đã phá nhà cũ của bố mẹ, xây dựng lại ngôi nhà mới trên đất. Đến năm 2018 bà T từ miền Nam trở về và ông đồng ý cho bà T xây một căn nhà kiên cố trên đất. Nay bà Nguyễn Thị Bích T khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế đối với thửa đất trên của bố mẹ ông, ông đồng ý việc chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất trên để ông được hưởng phần thừa kế của mình. Nếu bà T lấy đất phải đền bù lại cho ông giá trị tài sản trên đất.

Tại bản tự khai ngày 30/12/2021, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Chí T2, ông Nguyễn Chí T3 trình bày: Nhất trí với trình bày của nguyên đơn, bị đơn về di sản thừa kế mà bố mẹ để lại là thửa đất số 216, tờ bản đồ số 9, diện tích 1.572m²; trong đó đất ở nông thôn 400m², đất trồng cây lâu năm 1172m²; địa chỉ thửa đất: Thôn Quảng H, xã Lê H, huyện Tuyên H, tỉnh Quảng Bình và những người được hưởng thừa kế theo hàng thừa kế thứ nhất, gồm: Ông Nguyễn Chí T2; bà Nguyễn Thị Minh T5; ông Nguyễn Chí T3; ông Nguyễn Chí

T1; bà Nguyễn Thị Bích T và ông Nguyễn Chí T4; đề nghị phân chia tài sản thừa kế theo pháp luật. Về phần thừa kế của ông Nguyễn Chí T2, ông sẽ giao lại cho ông Nguyễn Chí T1 được quản lý, sử dụng. Về phần thừa kế của ông Nguyễn Chí T3, ông sẽ giao lại cho bà Nguyễn Thị Bích T được quản lý, sử dụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Minh T5 ủy quyền cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích T theo văn bản ủy quyền ngày 09/11/2021. Tại bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm, bà T có nguyện vọng sẽ nhận phần thừa kế của bà T5.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Chí T4 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và có nguyện vọng giao phần thừa kế của mình cho bà Nguyễn Thị Bích T được quản lý, sử dụng.

Tại Bản án số 04/2022/TCDS-ST ngày 12/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 623, Điều 612, Điều 651 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 157; Điều 158; khoản 2 Điều 165; khoản 2 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 và điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản” của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích T đối với bị đơn ông Nguyễn Chí T1.

2. Giao cho bà Nguyễn Thị Bích T quyền sử dụng đất, có diện tích 490,3m² đất, trong đó 266,7m² đất ở và 223,6m² đất trồng cây lâu năm; tại thửa đất số 216, tờ bản đồ số 9 (nay được đo đạc lại thành tờ bản đồ số 8), tại thôn Quảng H, xã Lê H, huyện Tuyên H, tỉnh Quảng Bình.

Phần diện tích đất có tứ cận tiếp giáp:

- Phía Đông tiếp giáp với đất giao thông, có chiều dài từ điểm 2 đến điểm 3 là 18,48m;

- Phía Tây tiếp giáp với đất trồng cây lâu năm của ông Nguyễn Chí T1, có chiều dài từ điểm 1 đến điểm 11 là 19,11m;

- Phía Nam tiếp giáp với phần đất giao cho ông Nguyễn Chí T1 có chiều dài từ điểm 3 đến điểm 12 là 21,45m từ điểm 12 đến điểm 11 là 8,19m;

- Phía Bắc tiếp giáp với đất trồng cây lâu năm của ông Nguyễn Chí T1, có chiều dài từ điểm 1 đến điểm 2 là 22,91m;

3. Giao cho ông Nguyễn Chí T1 quyền sử dụng đất có diện tích 1076,3m² đất, trong đó đất ở 133,3m²; đất trồng cây lâu năm 943m²; tại thửa đất số 216, tờ bản đồ số 9 (nay được đo đạc lại thành tờ bản đồ số 8), tại thôn Quảng H, xã Lê H, huyện Tuyên H, tỉnh Quảng Bình và được sử dụng 01 giếng khoan tài sản là tài sản của bà T nằm trên phần diện tích đất giao cho ông T1, trị giá 6.006.000 đồng.

Phần diện tích đất có tứ cận tiếp giáp:

- Phía Đông tiếp giáp với đất giao thông, có chiều dài từ điểm 3 đến điểm 4 là 3,4m; từ điểm 4 đến điểm 5 là 12,45m và từ điểm 5 đến điểm 6 là 12,06m;

- Phía Tây tiếp giáp với đất trồng cây lâu năm của ông Nguyễn Chí T1, có chiều dài từ điểm 9 đến điểm 10 là 21,29m và từ điểm 10 đến điểm 11 là 12,87m;

- Phía Nam tiếp giáp với đất thổ cư tại thửa đất số 611, tờ bản đồ số 08 của gia đình ông Nguyễn Đức T7, tại thửa đất số 612, tờ bản đồ số 08 của gia đình ông Mai Đình L1 và tiếp giáp với thửa đất số 262, tờ bản đồ số 08 của bà Nguyễn Thị H1, có chiều dài từ điểm 6 đến điểm 7 là 27,54m; từ điểm 7 đến điểm 8 là 11,41m và từ điểm 8 đến điểm 9 là 1,28m;

- Phía Bắc tiếp giáp phần đất giao cho bà Nguyễn Thị Bích T có chiều dài từ điểm 3 đến điểm 12 là 21,45m và từ điểm 12 đến điểm 11 là 8,19m;

(Có biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 11/3/2022 và sơ đồ bản vẽ hiện trạng sử dụng đất kèm theo có trong hồ sơ vụ án).

Buộc ông Nguyễn Chí T1 có trách nhiệm giao cho bà Nguyễn Thị Bích T tổng số tiền 17.086.000 đồng. Trong đó: giá trị 01 giếng khoan 6.006.000 đồng và 11.080.000 đồng là giá trị tương ứng với 554m² đất trồng cây lâu năm là phần mà bà T được nhận nhưng đã giao cho ông T1).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, quyền thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 25/5/2022, bà Nguyễn Thị Bích T có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án xem xét lại để bà được nhận giá trị thừa kế bằng hiện vật là quyền sử dụng đất mà bà được hưởng, bà không đồng ý nhận giá trị bằng tiền.

Tại phiên tòa ngày 30/9/2022 các đương sự không thỏa thuận được với nhau trong việc giải quyết vụ án và yêu cầu Tòa án xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Trong quá trình tiến hành tố tụng, giải quyết vụ án người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Việc Tòa án cấp sơ thẩm chia di sản bằng hiện vật cho bà T và ông T4 là có căn cứ, phù hợp với hiện trạng sử dụng đất, do đó không chấp nhận kháng cáo của bà T. Đề nghị ghi nhận sự tự nguyện của ông T1 về số tiền 30.000.000 đồng về việc hỗ trợ ông Tiến. Án sơ thẩm không giao hàng rào là ranh giới của gia đình ông T1 và bà T, hàng rào do bà T xây dựng nên đề nghị sửa án sơ thẩm giao phần hàng rào dài 29,4m, cao 1,5m cho bà T sử dụng.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bà T là hộ nghèo nên miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ngày 12/5/2022 Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa xét xử và ban hành bản án dân sự sơ thẩm số 04/2022/TCDS-ST. Ngày 25/5/2022 bà Nguyễn Thị Bích T làm đơn kháng cáo; đơn kháng cáo của bà T trong hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định tại Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 30/9/2022 ông T3 đề nghị nhận di sản bằng hiện vật, đề nghị Tòa án thẩm định lại thửa đất và chịu nộp toàn bộ chi phí thẩm định. Tòa án đã có thông báo để ông T3 nộp tạm ứng chi phí thẩm định nhưng ông T3 không thực hiện nghĩa vụ. Vì vậy, Tòa án không tiến hành thẩm định lại.

[2.2]. Về yêu cầu được nhận giá trị tài sản thừa kế bằng hiện vật là quyền thừa kế mà bà được hưởng, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: các đồng thừa kế của cụ ông Nguyễn Trọng B, cụ bà Nguyễn Thị N đều thừa nhận hai cụ trong quá trình sinh sống đã tạo lập tài sản chung là thửa đất số 216, tờ bản đồ số 9; diện

tích 1.572m²; trong đó đất ở nông thôn 400m², đất trồng cây lâu năm 1.172m². Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Trọng B. Cụ ông chết vào ngày 25/7/2010; cụ bà chết vào tháng 4 năm 2000. Trước lúc chết, hai cụ không để lại di chúc. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chia thừa kế cho các đồng thừa kế theo pháp luật là đúng quy định. Quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm đã tiến hành thẩm định và định giá tài sản theo đúng quy định, các đương sự thống nhất và không có ý kiến gì thêm.

[2.3]. Án sơ thẩm đã xác định di sản thừa kế của ông B và bà N để lại là quyền sử dụng đất có diện tích 1.576,6m², xác định hàng thừa kế thừa kế gồm 5 người và kỹ phần của mỗi người được hưởng là có căn cứ.

Cấp sơ thẩm đã tiến hành thẩm định và định giá tài sản, các đương sự không có ý kiến gì, trên cơ sở thực tế các công trình xây dựng của ông T1 và bà T, giữa hai bên có hàng rào xây dựng kiên cố của bà T (do bà T xây dựng), phần đất của các bên đã xác định ranh giới. Bà T yêu cầu nhận thừa kế bằng hiện vật là quyền sử dụng đất nhưng không chấp nhận giao tiền giá trị tài sản nằm trên phần đất có các tài sản của ông T1 cho ông T1. Bà T được nhận hai kỹ phần thừa kế gồm 1 phần của bà và 1 phần của ông T4 tương ứng với diện tích 522.2m². Theo hiện trạng sử dụng bà T đang sử dụng 490m², còn thiếu 32,2m², cấp sơ thẩm buộc ông T1 giao theo giá trị bằng tiền là có căn cứ. Hiện tại, ông T4 không có khả năng lao động, không đủ khả năng nuôi sống bản thân, đang sống cùng bà T. Do đó, việc bà T yêu cầu chia thêm phần đất cho ông Tiến sử dụng là không phù hợp với thực tế.

[2.4]. Tại giai đoạn xét xử sơ thẩm ông T3, bà T5 nhường kỹ phần thừa kế của mình cho bà T, bà T đã đồng ý, tại giai đoạn phúc thẩm bà T yêu cầu chuyển kỹ phần thừa kế của ông T3 và bà T5 cho ông T4 như đã phân tích ở mục [2.3] ông T4 không thể tự nuôi sống bản thân và không có khả năng lao động, đang hưởng trợ cấp người khuyết tật nên không đủ khả năng sinh sống độc lập, hiện tại ông T4 đang được bà T chăm sóc, nuôi dưỡng, mặt khác, xét thấy ông T3 và bà T5 đã có đất và nhà ở ổn định, các công trình, cây cối trên đất do ông T1 đầu tư xây dựng và trồng trọt đã lâu, nếu giao hiện vật là quyền sử dụng đất thì người nào nhận phải giao lại phần tiền tương ứng tài sản cho ông T1, nhưng những người này không chấp nhận. Vì vậy, không có cơ sở để chia quyền sử dụng đất như yêu cầu.

Tại biên bản thẩm định ngày 11/03/2022, thể hiện có hàng rào dài 29,4m, cao 1,5m được xác định do bà T xây dựng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không giao cho ai. Do đó, cần giao hàng rào cho bà T được sở hữu.

[3]. Về án phí: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị Bích T.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 623, Điều 612, Điều 651 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 157; Điều 158; khoản 2 Điều 165; khoản 2 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 và điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bích T. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 04/2022/TCDS-ST ngày 12/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa về việc chia di sản thừa kế.

2. Giao cho bà Nguyễn Thị Bích T quyền sử dụng đất, có diện tích 490,3m² đất, trong đó 266,7m² đất ở và 223,6m² đất trồng cây lâu năm; tại thửa đất số 216, tờ bản đồ số 9 (nay được đo đạc lại thành tờ bản đồ số 8), tại thôn Quảng H, xã Lê H, huyện Tuyên H, tỉnh Quảng Bình.

Phần diện tích đất có tứ cận tiếp giáp:

- Phía Đông tiếp giáp với đất giao thông, có chiều dài từ điểm 2 đến điểm 3 là 18,48m;

- Phía Tây tiếp giáp với đất trồng cây lâu năm của ông Nguyễn Chí T1, có chiều dài từ điểm 1 đến điểm 11 là 19,11m;

- Phía Nam tiếp giáp với hần đất giao cho ông Nguyễn Chí T1 có chiều dài từ điểm 3 đến điểm 12 là 21,45m từ điểm 12 đến điểm 11 là 8,19m;

- Phía Bắc tiếp giáp với đất trồng cây lâu năm của ông Nguyễn Chí T1, có chiều dài từ điểm 1 đến điểm 2 là 22,91m;

3. Giao cho ông Nguyễn Chí T1 quyền sử dụng đất có diện tích 1076,3m² đất, trong đó đất ở 133,3m²; đất trồng cây lâu năm 943m²; tại thửa đất số 216, tờ bản đồ số 9 (nay được đo đạc lại thành tờ bản đồ số 8), tại thôn Quảng H, xã Lê H, huyện Tuyên H, tỉnh Quảng Bình và được sử dụng 01 giếng khoan tài sản là tài sản của bà T nằm trên phần diện tích đất giao cho ông T1, trị giá 6.006.000 đồng.

Phần diện tích đất có tứ cận tiếp giáp:

- Phía Đông tiếp giáp với đất giao thông, có chiều dài từ điểm 3 đến điểm 4 là 3,4m; từ điểm 4 đến điểm 5 là 12,45m và từ điểm 5 đến điểm 6 là 12,06m;

- Phía Tây tiếp giáp với đất trồng cây lâu năm của ông Nguyễn Chí T1, có chiều dài từ điểm 9 đến điểm 10 là 21,29m và từ điểm 10 đến điểm 11 là 12,87m;

- Phía Nam tiếp giáp với đất thổ cư tại thửa đất số 611, tờ bản đồ số 08 của gia đình ông Nguyễn Đức T7, tại thửa đất số 612, tờ bản đồ số 08 của gia đình ông Mai Đình L và tiếp giáp với thửa đất số 262, tờ bản đồ số 08 của bà Nguyễn Thị H1, có chiều dài từ điểm 6 đến điểm 7 là 27,54m; từ điểm 7 đến điểm 8 là 11,41m và từ điểm 8 đến điểm 9 là 1,28m;

- Phía Bắc tiếp giáp phần đất giao cho bà Nguyễn Thị Bích T có chiều dài từ điểm 3 đến điểm 12 là 21,45m và từ điểm 12 đến điểm 11 là 8,19m;

(Có biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 11/3/2022 và sơ đồ bản vẽ hiện trạng sử dụng đất kèm theo có trong hồ sơ vụ án).

Buộc ông Nguyễn Chí T1 có trách nhiệm giao cho bà Nguyễn Thị Bích T tổng số tiền 17.086.000 đồng. Trong đó: giá trị 01 giếng khoan 6.006.000 đồng và 11.080.000 đồng là giá trị tương ứng với 554m² đất trồng cây lâu năm (là phần mà bà T được nhận nhưng đã giao cho ông T1).

4. Sửa một phần bản án sơ thẩm: Giao hàng rào cao 1,5m, dài 29,4m giữa 2 nhà ông T1 và bà T cho bà T được sở hữu.

5. Ghi nhận sự tự nguyện của ông T1 hỗ trợ thêm cho ông T4 số tiền 30.000.000 đồng.

6. Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 3 Điều 15, Điều 28 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị Bích T.

7. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (30/9/2022).

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- TAND huyện Tuyên Hóa;
- Chi cục THADS huyện Tuyên Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu: tòa DS, hồ sơ vụ án.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Võ Bá Lưu